RÀO CẢN TÂM LÝ KHI VIẾT ĐOẠN VĂN TIẾNG ANH VÀ NHẬN THỨC CỦA SINH VIÊN KHÔNG CHUYÊN VỀ AI TẠO SINH: NGHIÊN CỨU KHẢO SÁT

NGUYỄN THỊ BÍCH THẢO
Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng

Nhận bài ngày 18/9/2026. Sửa chữa xong 15/10/2026. Duyệt đăng 21/10/2026.

Abstract

This study investigated psychological barriers to English paragraph writing and perceptions of generative artificial intelligence (GenAI) among 86 non-English-major university students. The findings showed that 98.8% of the students had used GenAI, with 94.2% using it at least occasionally. Fear of grammatical and vocabulary errors (M = 3.78) and a lack of confidence in paragraph organization (M = 3.65) emerged as notable difficulties. Students valued GenAI's ability to suggest vocabulary and sentence structures (M = 3.94) and explain writing errors (M = 3.93). Spearman correlation analysis revealed positive and statistically significant associations among the three constructs (ρ = 0.469–0.517; p < 0.001). Responses to the open-ended questions indicated that students appreciated the support provided by GenAI while expressing concerns about dependence, loss of personal voice, and academic integrity. Based on these findings, the study offers pedagogical implications for the responsible use of GenAI in English language teaching.

Keywords: *English paragraph writing, generative AI, non-English-major students, psychological barriers, writing anxiety.*

1. Đặt vấn đề

Viết đoạn văn tiếng Anh là một thách thức đối với nhiều sinh viên (SV) đại học không chuyên tiếng Anh. Bên cạnh hạn chế về từ vựng và ngữ pháp, nỗi sợ mắc lỗi, thiếu tự tin và khó khăn trong tổ chức ý tưởng có thể cản trở quá trình diễn đạt bằng tiếng Anh. Những biểu hiện này cho thấy việc học viết không chỉ liên quan đến năng lực ngôn ngữ mà còn chịu ảnh hưởng của các yếu tố tâm lý (Cheng, 2004). Sự phát triển của trí tuệ nhân tạo tạo sinh (Generative Artificial Intelligence – GenAI) mở ra khả năng hỗ trợ người học thông qua gợi ý từ vựng, cấu trúc câu và phản hồi về lỗi viết. Tuy nhiên, việc sử dụng công nghệ này cũng đặt ra những lo ngại về sự phụ thuộc, khả năng duy trì tiếng nói cá nhân và liêm chính học thuật (Chan & Hu, 2023; Kasneci et al., 2023; Miao & Holmes, 2023). Do đó, cần xem xét đồng thời những lợi ích và rủi ro mà SV nhận thức khi sử dụng GenAI trong học viết tiếng Anh. Các nghiên cứu trước đã đề cập đến lo âu khi viết bằng ngôn ngữ thứ hai hoặc nhận thức của SV về GenAI trong giáo dục. Tuy nhiên, mối liên hệ giữa rào cản tâm lý khi viết đoạn văn tiếng Anh với lợi ích cảm nhận và những lo ngại về GenAI ở nhóm SV không chuyên vẫn cần được tìm hiểu thêm. Nghiên cứu này khảo sát 86 SV đại học không chuyên tiếng Anh nhằm làm rõ các khía cạnh trên, qua đó đề xuất hàm ý cho việc sử dụng GenAI có trách nhiệm trong dạy và học viết tiếng Anh.

Nghiên cứu tập trung trả lời bốn câu hỏi:

- RQ1: Những rào cản tâm lý nào xuất hiện khi SV không chuyên tự viết đoạn văn tiếng Anh và mức độ của chúng ra sao?
- RQ2: SV sử dụng GenAI với tần suất và mục đích như thế nào trong học viết tiếng Anh?
- RQ3: SV đánh giá như thế nào về lợi ích và những rủi ro khi sử dụng GenAI?

Email: thaontb@hiu.vn

- RQ4: Rào cản tâm lý khi viết có mối tương quan như thế nào với lợi ích cảm nhận và những lo ngại về GenAI?

2. Cơ sở lý thuyết và tổng quan nghiên cứu

2.1. Kỹ năng viết đoạn văn và các rào cản tâm lý của sinh viên không chuyên

Viết đoạn văn tiếng Anh đòi hỏi người học kết hợp kiến thức từ vựng, ngữ pháp và khả năng tổ chức ý tưởng mạch lạc. Đối với SV không chuyên tiếng Anh, khó khăn trong quá trình viết còn có thể gắn với nỗi sợ mắc lỗi, lo âu và thiếu tự tin khi diễn đạt. Cheng (2004) xem lo âu khi viết bằng ngôn ngữ thứ hai là hiện tượng đa chiều, liên quan đến phản ứng cảm xúc và sự tự đánh giá năng lực viết. Trong nghiên cứu này, rào cản tâm lý được xem xét qua những biểu hiện như lo sợ lỗi ngôn ngữ, thiếu tự tin trong tổ chức đoạn văn và khó diễn đạt suy nghĩ bằng tiếng Anh.

2.2. Vai trò hỗ trợ của Generative AI trong quá trình viết

GenAI có khả năng hỗ trợ người học ở các giai đoạn viết thông qua việc gợi ý ý tưởng, từ vựng, cấu trúc câu và giải thích lỗi ngôn ngữ. Những hỗ trợ này có thể được xem như một hình thức giàn giáo học tập (AI scaffolding), giúp người học có thêm nguồn tham khảo trong quá trình tự viết và chỉnh sửa. Các nghiên cứu về GenAI trong giáo dục đại học ghi nhận những lợi ích tiềm năng đối với hoạt động học tập, đồng thời chỉ ra các lo ngại về độ chính xác và đạo đức học thuật (Chan & Hu, 2023; Kasneci et al., 2023). Vì vậy, cần xem xét đồng thời lợi ích cảm nhận và những rủi ro mà người học nhận thức khi sử dụng công nghệ này.

2.3. Khung lý thuyết tích hợp

Nghiên cứu vận dụng ba cách tiếp cận lý thuyết để hỗ trợ diễn giải kết quả:

Giả thuyết Bộ lọc Cảm xúc của Krashen (1982) cho rằng lo âu và thiếu tự tin có thể cản trở quá trình tiếp nhận ngôn ngữ. Khung lý thuyết này giúp xem xét vai trò hỗ trợ tiềm năng của GenAI đối với người học gặp khó khăn tâm lý khi viết. Lý thuyết Năng lực Bản thân của Bandura (1977) nhấn mạnh niềm tin của cá nhân vào khả năng thực hiện nhiệm vụ. Trong bối cảnh nghiên cứu, các gợi ý và phản hồi của GenAI có thể được xem là nguồn hỗ trợ mà SV sử dụng khi thực hiện nhiệm vụ viết. Mô hình Chấp nhận Công nghệ (Technology Acceptance Model – TAM) của Davis (1989) nhấn mạnh vai trò của nhận thức về tính hữu ích và tính dễ sử dụng trong việc chấp nhận công nghệ. Nghiên cứu tham chiếu mô hình này khi xem xét lợi ích cảm nhận, đồng thời khảo sát thêm những lo ngại về rủi ro khi sử dụng GenAI, như sự phụ thuộc, mất giọng văn cá nhân và liêm chính học thuật.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Thiết kế nghiên cứu và đạo đức nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp khảo sát hỗn hợp, kết hợp dữ liệu định lượng và định tính. Hai loại dữ liệu được thu thập đồng thời thông qua cùng một bảng hỏi trực tuyến. Dữ liệu định lượng được thu thập bằng thang đo Likert 5 mức độ, trong khi dữ liệu định tính được thu thập thông qua các câu hỏi mở ngắn. Cách tiếp cận này cho phép sử dụng phản hồi của SV để bổ sung và hỗ trợ diễn giải các kết quả thống kê (Creswell & Creswell, 2018). Về đạo đức nghiên cứu, việc tham gia khảo sát hoàn toàn tự nguyện. Trước khi trả lời, SV được cung cấp thông tin về mục đích nghiên cứu và được thông báo rằng thông tin cá nhân sẽ được bảo mật, các phản hồi được xử lý theo nguyên tắc ẩn danh và việc tham gia hoặc không tham gia khảo sát không ảnh hưởng đến điểm số hay kết quả đánh giá học phần.

3.2. Mẫu nghiên cứu

Nghiên cứu được triển khai bằng phương pháp chọn mẫu thuận tiện đối với SV đại học không chuyên ngành tiếng Anh. Tổng số phản hồi hợp lệ thu được là N = 86 SV. Trong đó, SV năm thứ hai chiếm 97,7% (n = 84), trong khi SV năm thứ ba chiếm 2,3% (n = 2). Do được yêu cầu thực hiện các bài tập viết đoạn văn tiếng Anh học thuật trong chương trình học, nhóm SV này có trải nghiệm phù hợp để cung cấp thông tin phục vụ khảo sát.

3.3. Công cụ đo lường và kiểm định độ tin cậy

Bảng khảo sát trực tuyến gồm 3 phần chính:

- Phần A - Thói quen sử dụng GenAI (3 câu hỏi): Khảo sát công cụ AI sử dụng (USE1), tần suất sử dụng (USE2) và mục đích sử dụng chính (USE3).

- Phần B - Thang đo Likert 5 điểm (19 câu hỏi): Đo lường Rào cản tâm lý khi viết (BAR - 7 câu, kế thừa từ Cheng, 2004), Lợi ích cảm nhận của GenAI (POS - 7 câu) và Lo ngại rủi ro phụ thuộc (NEG - 5 câu, kế thừa từ Chan & Hu, 2023).

- Phần C - Câu hỏi tự luận ngắn (3 câu): Thu thập ý kiến định tính (QUAL1–QUAL3) về rào cản lớn nhất, cảm giác an toàn và băn khoăn cá nhân khi dùng AI.

Kết quả kiểm định độ tin cậy Cronbach's Alpha trên SPSS cho thấy các thang đo đều đạt độ tin cậy rất cao: Rào cản tâm lý (BAR) đạt Alpha = 0.885; Lợi ích cảm nhận (POS) đạt Alpha = 0.931; Lo ngại phụ thuộc (NEG) đạt Alpha = 0.815 (tất cả đều vượt xa ngưỡng tiêu chuẩn 0.70).

3.4. Phương pháp phân tích số liệu

Dữ liệu từ 86 SV được phân tích kết hợp định lượng và định tính:

- *Thống kê mô tả:* Sử dụng tần số (f), tỷ lệ phần trăm (%), giá trị trung bình (M) và độ lệch chuẩn (SD) để mô tả đặc điểm mẫu, mức độ sử dụng GenAI và các thang đo BAR, POS, NEG.

- *Tính điểm thang đo:* Điểm BAR (7 mục), POS (7 mục) và NEG (5 mục) được tính bằng trung bình cộng các mục hỏi tương ứng. Các mục được mã hóa cùng chiều; dữ liệu không có giá trị thiếu.

- *Phân tích tương quan:* Sử dụng hệ số Spearman (ρ) để xác định mối liên hệ giữa BAR, POS và NEG. Kết quả được diễn giải theo hướng tương quan, không suy luận quan hệ nhân quả.

- *Phân tích định tính:* Các câu trả lời mở (QUAL1–QUAL3) được mã hóa và phân nhóm theo chủ đề (Braun & Clarke, 2006) nhằm bổ sung, minh họa kết quả định lượng.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Thói quen và mục đích sử dụng Generative AI của sinh viên (Trả lời RQ2)

Kết quả thống kê cho thấy GenAI được sử dụng phổ biến trong hoạt động viết đoạn văn tiếng Anh. ChatGPT được sử dụng nhiều nhất (79,1%), tiếp theo là Gemini (66,3%), trong khi các công cụ khác có tỷ lệ sử dụng thấp hơn. Có 98,8% SV từng sử dụng GenAI, trong đó 94,2% sử dụng từ mức thỉnh thoảng trở lên. Đáng chú ý, 40,7% SV cho biết sử dụng GenAI thường xuyên hoặc luôn luôn. Về mục đích sử dụng, kiểm tra ngữ pháp và chính tả chiếm tỷ lệ cao nhất (72,1%), tiếp đến là tìm ý tưởng/lập dàn ý (68,6%) và dịch từ tiếng Việt sang tiếng Anh (61,6%). Có 17,4% SV cho biết sử dụng AI để viết toàn bộ đoạn văn.

Bảng 1: Thống kê thói quen và mục đích sử dụng Generative AI của SV (N = 86)

Hạng mục khảo sát	Phân loại / Công cụ chi tiết & Tỷ lệ % (n/86)
Công cụ AI sử dụng (USE1) (Chọn nhiều phương án)	ChatGPT: 79.1% (68) Google Gemini: 66.3% (57) Grammarly: 7.0% (6) Claude / Khác: 9.3% (8)
Tần suất sử dụng (USE2) (Thang 5 mức Likert)	Thỉnh thoảng (Sometimes): 53.5% (46) Thường xuyên (Often): 37.2% (32) Hiếm khi (Rarely): 4.7% (4) Luôn luôn (Always): 3.5% (3) Chưa bao giờ (Never): 1.2% (1)
Các mục đích sử dụng GenAI trong học viết (USE3) (Chọn nhiều phương án)	Kiểm tra ngữ pháp & chính tả: 72.1% (62) Tìm ý tưởng / Lập dàn ý: 68.6% (59) Dịch thuật từ tiếng Việt sang tiếng Anh: 61.6% (53) Diễn đạt lại / Trau chuốt từ vựng: 47.7% (41) Nhờ AI viết toàn bộ đoạn văn: 17.4% (15)
Trình độ học vấn (DEM1)	SV Năm 2: 97.7% (84) SV Năm 3: 2.3% (2)

4.2. Các rào cản tâm lý khi tự viết đoạn văn tiếng Anh (Trả lời RQ1)

Kết quả thống kê mô tả cho thấy rào cản tâm lý khi viết đoạn văn tiếng Anh của SV không chuyên đạt mức trung bình cao (M = 3,46; SD = 0,79). Trong các biểu hiện được khảo sát, lo sợ mắc lỗi ngữ pháp và từ vựng có điểm trung bình cao nhất (M = 3,78), tiếp theo là thiếu tự tin trong việc tổ chức đoạn văn mạch lạc (M = 3,65), khó diễn đạt chính xác suy nghĩ bằng tiếng Anh (M = 3,50) và bí ý tưởng khi bắt đầu viết (M = 3,40). Như vậy, trong phạm vi các nội dung được khảo sát, nỗi lo mắc lỗi ngôn ngữ là biểu

hiện nổi bật nhất, trong khi tình trạng bí ý tưởng có điểm trung bình thấp nhất. Các kết quả này phản ánh sự khác biệt về mức độ biểu hiện của các rào cản tâm lý được khảo sát.

Bảng 2: Điểm trung bình và độ lệch chuẩn của các Rào cản tâm lý khi viết (BAR, N = 86)

Mã biến	Nội dung mục hỏi thang đo BAR	Mean (M)	SD	Rank
BAR3	Lo sợ sai ngữ pháp/từ vựng	3.78	0.99	1
BAR5	Thiếu tự tin tổ chức đoạn văn	3.65	1.00	2
BAR6	Khó diễn đạt chính xác suy nghĩ	3.50	0.98	3
BAR2	Trống rỗng đầu óc khi bắt đầu viết	3.40	0.92	4
BAR1	Căng thẳng khi được yêu cầu viết	3.35	1.01	5
BAR4	Lo sợ bị đánh giá tiêu cực	3.33	1.15	6
BAR7	Nản lòng và muốn bỏ cuộc	3.24	1.09	7

4.3. Nhận thức hai chiều về vai trò và rủi ro của Generative AI (Trả lời RQ3)

Nhận thức của SV về GenAI thể hiện rõ tính hai mặt, khi điểm trung bình về lợi ích cảm nhận (POS: M = 3,82; SD = 0,77) cao hơn mức lo ngại về rủi ro (NEG: M = 3,59; SD = 0,79). Về lợi ích, SV đánh giá cao khả năng gợi ý từ vựng, cấu trúc câu (M = 3,94) và giải thích lỗi sai (M = 3,93). Ngược lại, những lo ngại nổi bật nhất liên quan đến nguy cơ mất giọng văn cá nhân và vi phạm liêm chính học thuật (cùng M = 3,70). Sự tương phản này cho thấy SV vừa kỳ vọng GenAI cải thiện chất lượng bài viết, vừa ý thức được những rủi ro đối với tính độc lập và trách nhiệm học thuật khi sử dụng công cụ này.

Bảng 3: Nhận thức của SV về Lợi ích cảm nhận (POS) và Lo ngại rủi ro (NEG) của GenAI (N = 86)

Mã biến	Nội dung mục hỏi thang đo POS & NEG	Mean (M)	SD	Thứ hạng
POS1	Gợi ý từ vựng & cấu trúc	3.94	0.87	1 (POS)
POS3	Giải thích bản chất lỗi sai	3.93	0.86	2 (POS)
POS2	Sắp xếp ý tưởng mạch lạc	3.83	0.88	3 (POS)
POS5	Tự tin bắt đầu khi bị bí ý	3.80	0.87	4 (POS)
POS4	Hỗ trợ giải tỏa lo âu, căng thẳng	3.77	0.93	5 (POS)
POS7	Hoàn thành bài tập nhanh hơn	3.76	0.98	6 (POS)
POS6	Môi trường an toàn, không phán xét	3.70	0.98	7 (POS)
NEG5	Mất đi giọng văn cá nhân	3.70	0.97	1 (NEG)
NEG4	Lo ngại vi phạm liêm chính học thuật	3.70	0.93	1 (NEG)
NEG1	Lo ngại quá phụ thuộc vào AI	3.58	1.11	3 (NEG)
NEG3	Năng lực tự viết thực tế bị suy giảm	3.50	1.05	4 (NEG)
NEG2	Dùng nhiều dẫn đến lười tư duy	3.49	1.10	5 (NEG)

4.4. Mối quan hệ tương quan giữa rào cản tâm lý và nhận thức GenAI (Trả lời RQ4)

Kết quả phân tích tương quan Spearman chỉ ra mối tương quan thuận, có ý nghĩa thống kê giữa cả ba nhóm biến nghiên cứu ($p < 0,001$). Cụ thể, rào cản tâm lý (BAR) có mối tương quan thuận mức độ trung bình với lợi ích cảm nhận từ GenAI (POS) ($\rho = 0,517$, $p < 0,001$) và lo ngại về rủi ro (NEG) ($\rho = 0,469$, $p < 0,001$). Đồng thời, lợi ích cảm nhận (POS) cũng tương quan thuận với lo ngại rủi ro (NEG) ($\rho = 0,474$, $p < 0,001$). Kết quả này cho thấy SV gặp rào cản tâm lý càng lớn khi viết tiếng Anh thì càng có xu hướng đánh giá cao vai trò hỗ trợ của GenAI, nhưng đồng thời cũng ý thức rõ hơn về các rủi ro phụ thuộc và liêm chính học thuật. Ý nghĩa này phản ánh nhận thức hai chiều song hành của người học. Tuy nhiên, các hệ số tương quan này chỉ phản ánh mối liên hệ đồng biến chứ không chứng minh mối quan hệ nhân quả.

Bảng 4: Ma trận tương quan Spearman giữa các nhóm biến nghiên cứu (N = 86)

Biến nghiên cứu	BAR	POS	NEG
BAR – Rào cản tâm lý	1,000		
POS – Lợi ích cảm nhận	0,517***	1,000	
NEG – Lo ngại rủi ro	0,469***	0,474***	1,000

*Ghi chú: Giá trị trong bảng là hệ số tương quan Spearman (ρ). *** $p < 0,001$.*

4.5. Phân tích định tính về trải nghiệm thực tế và băn khoăn của sinh viên

Dữ liệu từ ba câu hỏi mở (QUAL1–QUAL3) được phân tích theo chủ đề, xác định ba nội dung chính:

Chủ đề 1: Lo ngại mắc lỗi và khó khăn khi viết. SV đề cập đến nỗi lo mắc lỗi ngữ pháp, sử dụng từ vựng chưa chính xác và khó bắt đầu viết. Một SV chia sẻ: "Khó khăn lớn nhất của tôi là sợ viết sai ngữ pháp và dùng sai từ. Tôi thường không biết bắt đầu đoạn văn như thế nào và lo rằng câu mình viết không đúng."

Chủ đề 2: Nhận thức về GenAI như một công cụ hỗ trợ viết. SV ghi nhận khả năng gợi ý cách viết và sửa lỗi của GenAI. Một phản hồi cho biết: "Generative AI giúp tôi tự tin hơn vì có thể gợi ý cách viết và sửa những lỗi ngữ pháp mà tôi không nhận ra... Tôi cảm thấy an toàn vì AI không phán xét tôi."

Chủ đề 3: Lo ngại về sự phụ thuộc và liêm chính học thuật. SV bày tỏ lo lắng về việc phụ thuộc vào AI và mất đi giọng văn cá nhân: "Em lo rằng nếu sử dụng AI quá nhiều, em sẽ phụ thuộc và ít tự viết hơn... Tôi rất sợ bị phát hiện dính AI và lo đoạn văn do AI sửa làm mất đi giọng văn cá nhân của mình."

Nhìn chung, các phản hồi thể hiện những lo ngại khi viết tiếng Anh, nhận thức về lợi ích hỗ trợ của GenAI và những băn khoăn liên quan đến sự phụ thuộc, liêm chính học thuật.

5. Thảo luận kết quả và hàm ý sư phạm

5.1. Thảo luận kết quả nghiên cứu

Dữ liệu khảo sát phản ánh bốn phát hiện trọng tâm về rào cản tâm lý và nhận thức sử dụng GenAI của SV không chuyên:

Thứ nhất, rào cản tâm lý khi tự viết đoạn văn ở mức trung bình khá cao (M = 3,46; SD = 0,79). Trong đó, nỗi sợ sai ngữ pháp, từ vựng (M = 3,78) và sự thiếu tự tin về khả năng tổ chức đoạn văn (M = 3,65) có điểm trung bình cao hơn các biểu hiện còn lại trong phạm vi mẫu khảo sát (như áp lực bị phán xét tiêu cực M = 3,33 hay cảm giác nản lòng muốn bỏ cuộc M = 3,24). Sự tương phản này chỉ ra khó khăn cốt lõi của người học tập trung vào độ chính xác ngôn ngữ và năng lực cấu trúc bài viết thay vì thái độ buông bỏ. Kết quả này tương đồng với mô hình lo âu khi viết bằng ngoại ngữ của Cheng (2004), song dữ liệu tự báo cáo chưa đủ để xác định nguyên nhân sâu xa của các rào cản này.

Thứ hai, hành vi ứng dụng GenAI thể hiện sự phân hóa mục đích rõ rệt. Nhu cầu sử dụng AI cho các công đoạn hỗ trợ kỹ thuật từng phần như kiểm tra ngữ pháp (72,1%), tìm ý tưởng/lập dàn ý (68,6%) và dịch Việt–Anh (61,6%) chiếm tỷ lệ cao nhất trong các mục đích được khảo sát. Ngược lại, tỷ lệ SV phó mặc hoàn toàn cho AI viết toàn bộ đoạn văn chỉ dừng ở mức 17,4%. So sánh này khẳng định phần lớn SV nhìn nhận GenAI như công cụ hỗ trợ tháo gỡ bế tắc ngôn ngữ, thay vì giải pháp thay thế hoàn toàn tư duy tự viết.

Thứ ba, nhận thức của người học thể hiện thái độ hai chiều song hành, trong đó điểm lợi ích cảm nhận (M = 3,82; SD = 0,77) nhỉnh hơn mức lo ngại rủi ro (M = 3,59; SD = 0,79). Ở chiều tích cực, khả năng gợi ý từ vựng, cấu trúc câu (M = 3,94) và giải thích bản chất lỗi sai (M = 3,93) nhận được sự đánh giá cao nhất. Ở chiều e ngại, nguy cơ làm phai nhạt giọng văn cá nhân (M = 3,70) và vi phạm liêm chính học thuật (M = 3,70) là hai lo ngại hàng đầu, vượt trên mối quan ngại về sự lười tư duy (M = 3,49). Sự so sánh này cho thấy việc đánh giá cao tính tiện ích của GenAI không đồng nghĩa với việc người học bỏ qua các rủi ro đạo đức học thuật, phù hợp với quan sát của Chan và Hu (2023) cũng như Kasneci và cộng sự (2023).

Thứ tư, phân tích tương quan Spearman cho thấy mối liên hệ thuận giữa cả ba nhóm biến nghiên cứu. Rào cản tâm lý có tương quan thuận với lợi ích cảm nhận từ GenAI ($\rho = 0,517$) và lo ngại về rủi ro ($\rho = 0,469$). Tương tự, lợi ích cảm nhận cũng tương quan thuận với lo ngại rủi ro ($\rho = 0,474$). Các kết quả cho thấy SV có rào cản tâm lý cao hơn thường đồng thời đánh giá cao lợi ích hỗ trợ của GenAI và nhận thức rõ hơn về những rủi ro liên quan. Tuy nhiên, các mối tương quan này không xác định chiều tác động hoặc chứng minh quan hệ nhân quả.

Tóm lại, kết quả gợi ý việc tích hợp GenAI vào giảng dạy viết cần đi kèm quy trình hướng dẫn có trách nhiệm: giảng viên yêu cầu SV tự viết bản nháp, sử dụng AI nhận gợi ý/giải thích lỗi, sau đó tự đánh giá và hoàn thiện văn bản.

5.2. Hàm ý sư phạm

Từ kết quả nghiên cứu, bài báo đề xuất ba định hướng tích hợp GenAI có trách nhiệm vào giảng dạy viết đoạn văn tiếng Anh, phù hợp với khuyến nghị về giám sát của con người và sử dụng AI có trách nhiệm (Miao & Holmes, 2023).

Thứ nhất, hướng dẫn sử dụng GenAI có trách nhiệm. Nhà trường và giảng viên cần xây dựng quy định rõ ràng về phạm vi sử dụng AI trong từng giai đoạn viết, đồng thời giúp SV nhận diện lợi ích và rủi ro của công cụ này.

Thứ hai, phát triển năng lực sử dụng GenAI. Giảng viên nên hướng dẫn SV đặt câu lệnh để nhận gợi ý và giải thích lỗi thay vì yêu cầu AI viết thay. Chẳng hạn, SV có thể yêu cầu AI chỉ ra và giải thích ba lỗi ngữ pháp mà không viết lại đoạn văn.

Thứ ba, chú trọng quá trình viết. Việc lưu bản nháp, nhật ký sử dụng AI và tự đánh giá các gợi ý giúp giảng viên nhận diện đóng góp thực tế của SV. Cách tiếp cận này góp phần phát triển tư duy phản biện, duy trì giọng văn cá nhân và tăng tính minh bạch trong đánh giá.

6. Kết luận và hạn chế của nghiên cứu

6.1. Kết luận

Nghiên cứu cho thấy SV đại học không chuyên tiếng Anh gặp rào cản tâm lý ở mức tương đối cao, chủ yếu là nỗi sợ mắc lỗi ngôn ngữ và thiếu tự tin khi tổ chức đoạn văn. Hầu hết SV (98,8%) đã từng sử dụng GenAI; trong đó, 94,2% sử dụng công cụ này từ mức thỉnh thoảng trở lên. ChatGPT và Google Gemini là hai công cụ được sử dụng phổ biến, chủ yếu nhằm kiểm tra ngôn ngữ, phát triển ý tưởng và cải thiện diễn đạt. Mặc dù người học đánh giá tích cực về khả năng hỗ trợ viết của GenAI, họ cũng bày tỏ quan ngại về sự phụ thuộc, nguy cơ mất giọng văn cá nhân và liêm chính học thuật. Các phân tích tương quan cho thấy rào cản tâm lý có mối liên hệ thuận với cả lợi ích cảm nhận và những quan ngại về GenAI. Những kết quả này nhấn mạnh sự cần thiết của việc tích hợp GenAI có hướng dẫn nhằm hỗ trợ người học mà vẫn duy trì năng lực viết độc lập.

6.2. Hạn chế và hướng nghiên cứu tiếp theo

Nghiên cứu có ba hạn chế chính. Thứ nhất, mẫu khảo sát tương đối nhỏ (N = 86), được chọn thuận tiện tại một trường đại học và chủ yếu gồm SV năm thứ hai (97,7%), nên khả năng khái quát hóa còn hạn chế. Thứ hai, thiết kế cắt ngang và dữ liệu tự báo cáo chỉ phản ánh nhận thức của người học, chưa đo lường trực tiếp chất lượng bài viết. Thứ ba, nghiên cứu tiếp theo nên mở rộng mẫu tại nhiều trường đại học và áp dụng thiết kế thực nghiệm có nhóm đối chứng để đánh giá tác động của GenAI đối với năng lực viết độc lập.

Tài liệu tham khảo

Bandura, A. (1977). Self-efficacy: Toward a unifying theory of behavioral change. *Psychological Review, 84*(2), 191–215. https://doi.org/10.1037/0033-295X.84.2.191.

Braun, V., & Clarke, V. (2006). Using thematic analysis in psychology. *Qualitative Research in Psychology, 3*(2), 77–101. https://doi.org/10.1191/1478088706qp063oa.

Chan, C. K. Y., & Hu, W. (2023). Students' voices on generative AI: Perceptions, benefits, and challenges in higher education. *International Journal of Educational Technology in Higher Education, 20*, Article 43. https://doi.org/10.1186/s41239-023-00411-8

Cheng, Y.-S. (2004). A measure of second language writing anxiety: Scale development and preliminary validation. *Journal of Second Language Writing, 13*(4), 313–335. https://doi.org/10.1016/j.jslw.2004.07.001.

Creswell, J. W., & Creswell, J. D. (2018). *Research design: Qualitative, quantitative, and mixed methods approaches* (5th ed.). SAGE Publications.

Davis, F. D. (1989). Perceived usefulness, perceived ease of use, and user acceptance of information technology. *MIS Quarterly, 13*(3), 319–340. https://doi.org/10.2307/249008.

Kasneci, E., Sessler, K., Küchemann, S., Bannert, M., Dementieva, D., Fischer, F., Gasser, U., Groh, G., Günnemann, S., Hüllermeier, E., Kuhn, J., & Kasneci, G. (2023). ChatGPT for good? On opportunities and challenges of large language models for education. *Learning and Individual Differences, 103*, Article 102274. https://doi.org/10.1016/j.lindif.2023.102274.

Krashen, S. D. (1982). *Principles and practice in second language acquisition*. Pergamon Press.

Miao, F., & Holmes, W. (2023). *Guidance for generative AI in education and research*. UNESCO. https://doi.org/10.54675/EWZM9535.